SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC QUẢNG BÌNH

QUY TRÌNH KỸ THUẬT

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC QUẢNG BÌNH

(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ)

QUẢNG BÌNH - 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. CHUYÊN NGHÀNH HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC. 1
1. Quy trình kỹ thuật đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng..... 2
2. Quy trình kỹ thuật đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bằng catheter nhiều nòng 7
3. Quy trình kỹ thuật sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu 12
4. Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện..... 15
5. Quy trình kỹ thuật hút đờm cho người bệnh có đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy..... 18
6. Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín ... 21
7. Bóp bóng ambu qua mặt nạ 25
8. Đặt ống nội khí quản..... 27
9. Khí dung thuốc qua thở máy..... 33
10. Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay Catheter 35
11. Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ 37
12. Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP 39
13. Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BIPAP..... 42
14. Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV..... 45
15. Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV 49
16. Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C 53
17. Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV..... 56
18. Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn..... 59
19. Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản..... 61
20. Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang..... 63
21. Thận nhân tạo cấp cứu 67
22. Thận nhân tạo thường quy 71
23. Đặt ống thông dạ dày 76
24. Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín 79
25. Đặt ống thông hậu môn..... 82
26. Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng..... 84
CHƯƠNG 2. CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA 87
1. Quy trình kỹ thuật chọc dò dịch màng phổi..... 88

2. Quy trình kỹ thuật khí dung thuốc giãn phế quản 90
3. Quy trình kỹ thuật hút đờm hầu họng 92
4. Quy trình kỹ thuật thay băng các vết loét hoại tử rộng sau tai biến mạch máu não 94
5. Quy trình kỹ thuật đặt sonde bàng quang 97
6. Quy trình kỹ thuật rút Sonde JJ qua đường nội soi bàng quang 100
7. Quy trình kỹ thuật rửa bàng quang 102
8. Quy trình kỹ thuật chọc tháo dịch ổ bụng điều trị 105
9. Quy trình kỹ thuật đặt ống thông dạ dày 108
10. Quy trình kỹ thuật đặt ống thông hậu môn 111
11. Quy trình kỹ thuật rửa dạ dày cấp cứu 113
12. Quy trình kỹ thuật thụt tháo phân 116
13. Quy trình kỹ thuật quy trình chọc hút ổ viêm/áp xe phần mềm 118
14. Quy trình kỹ thuật đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu 120
15. Chọc hút dịch khớp 122

CHƯƠNG 3. CHUYÊN NGÀNH NGOẠI KHOA 125

1. Quy trình phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi 126
2. Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực 127
3. Quy trình kĩ thuật phẫu thuật kết hợp xương đòn 129
4. Quy trình kỹ thuật phẫu thuật trật khớp cùng đòn 131
5. Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn 132
6. Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp 134
7. Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu 136
8. Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân hai xương cẳng tay 138
9. Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy thân xương đùi 140
10. Phẫu thuật gãy xương bánh chè phức tạp 142
11. Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân hai xương cẳng chân 144
12. Phẫu thuật kết hợp xương gãy hai mắt cá chân 146
13. Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân 148
14. Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động 150
15. Phẫu thuật vết thương bàn tay 152
16. Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi 153
17. Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay 154

18.Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay 156
19.Thương tích bàn tay phức tạp 158
20.Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón..... 160
21.Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới 162
22.Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles..... 163
23.Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuông mạch liền 165
24.Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng..... 168
25.Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương 169
26.Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu..... 171
27.Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp..... 172
28.Phẫu thuật vá da diện tích > 10 cm2 174
29.Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ O) 176
30.Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X) 178
31.Phẫu thuật gỡ dính gân gấp..... 180
32.Phẫu thuật điều trị gãy thân xương quay, trật khớp quay trụ dưới 182
33.Quy trình kỹ thuật tán sỏi ngoài cơ thể..... 184
34.Quy trình kỹ thuật bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất 188
35.Lấy sỏi bàng quang 191
36.Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn 193
37.Phẫu thuật cắt bao quy đầu do dính hoặc dài..... 196
38.Phẫu thuật cắt hẹp bao quy đầu..... 197
39.Quy trình cắt Phymosis..... 198
40.Nội soi tán sỏi niệu quản (búa, khí nén, siêu âm…)..... 200
41.Rút JJ qua đường nội soi bàng quang 204
42.Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản 206
43.Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn..... 208
44.Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em..... 213
45.Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em 218
46.Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép..... 223
47.Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em..... 225
48.Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn.... 227
49.Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em 230
50.Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn 233

51.Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em 236
52.Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn 239
53.Cắt hoại tử toàn lớp – khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em 241
54.Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24 giờ điều trị vết thương, vết bỏng 243
55.Cắt sẹo khâu kín 245
56.Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bỏng 247
57.Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bỏng 250
58.Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48 giờ điều trị vết thương mạn tính 253
59.Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles 255
60.Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay 257
61.Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai 259
62.Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân chân ngỗng 262
63.Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm 264
64.Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón 266
65.Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương 268
66.Tổn thương gân duỗi 270
67.Phẫu thuật vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân 271
68.Phẫu thuật chỉnh trục cal lệch có kết hợp xương 273
69.Bó bột gãy xương bàn chân 275
70.Bó bột gãy xương ngón chân 278
71.Cắt chỉ khâu da 281
72.Cắt lọc tổ chức hoại tử vết thương đơn giản 282
73.Cắt u phần mềm vùng cổ 283
74.Chít áp xe phân mềm lớn 284
75.Chít rạch áp xe nhỏ 286
76.Dẫn lưu áp xe cơ đáy chậu 288
77.Dẫn lưu áp xe ruột thừa 290
78.Khâu lại vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn 292
79.Khâu vết thương phần mềm dài <10cm 293
80.Khâu vết thương phần mềm dài >10cm 295
81.Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ 297
82.Nắn bó bột bong sụn tiết hợp khuỷu, cổ tay 299
83.Nắn bó bột gãy 1/3 dưới 2 xương cẳng tay 302

84.Nắn bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân 305
85.Bó bột gãyy 1/3 dưới thân xương cánh tay 308
86.Nắn bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi 311
87.Nắn bó bột gãy 1/3 giữa 2 xương cẳng tay 314
88.Nắn bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân 317
89.Nắn bó bột gãy 1/3 trên 2 xương cẳng tay 321
90.Nắn bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân 324
91.Nắn bó bột gãy cổ xương cánh tay 328
92.Nắn bó bột gãy một xương cẳng tay 331
93.Nắn bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV 334
94.Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu 337
95.Nắn bó bột gãy xương bàn ngón tay 341
96.Nắn bó bột gãy xương gót 345
97.Nắn bó bột trật khớp cổ chân 349
98.Nắn bó bột trật khớp gối 352
99.Nắn bó bột trật khớp háng 355
100. Nắn bó bột trật khớp khuỷu 359
101. Nắn bó bột trật khớp khuỷu 362
102. Nắn bó bột trật khớp vai 366
103. Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi 369
104. Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản 373
105. Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp 376
106. Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shoulder 379
107. Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát 382
108. Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác 385
109. Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng 387
110. Phẫu thuật longo kết hợp với khâu treo trĩ 390
111. Phẫu thuật Longo 392
112. Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương 395
113. Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên/2 bên 397
114. Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần 400
115. Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa 401
116. Phuật thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt 403

117. Tháo lồng bằng bơm khí 405
118. Thay băng cắt chỉ vết mổ 406
CHƯƠNG 4. CHUYÊN NGÀNH PHỤ SẢN 411
1. Phẫu thuật lấy thai lần đầu 408
2. Phẫu thuật lấy thai lần thứ hai trở lên 410
3. Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ cũ phức tạp 412
4. Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, sản giật, tiền sản giật…) 414
5. Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...) 417
6. Phẫu thuật mở bụng cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung 420
7. Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn 422
8. Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo 424
9. Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung 427
10. Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ, nang cạnh vòi trứng 429
11. Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng kèm triệt sản 432
12. Phẫu thuật nội soi điều trị chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang 434
13. Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ 436
14. Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ 445
15. Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ choáng 444
16. Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ không choáng 446
17. Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã cắt tử cung bán phần đường âm đạo 448
18. Đỡ đẻ thường ngôi chỏm 450
19. Nạo sót rau, sót thai sau sảy, sau đẻ 454
20. Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn 456
21. Thủ thuật xoắn Polyp cổ tử cung, âm đạo 458
22. Soi cổ tử cung 459
23. Chọc dò túi cùng Douglas 460
24. Bóc nang tuyến Bartholin 462
25. Chích áp xe tuyến Bartholin 464
26. Làm lại tầng sinh môn âm đạo và khâu cơ vòng do rách phức tạp 466
27. Khâu rách cùng đồ âm đạo 468

28.Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ 470
29.Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ 472
30.Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ 474
31.Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn 477
32.Cắt u nang buồng trứng 479
33.Phẫu thuật làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn…) sau phẫu thuật sản phụ khoa 481
34.Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitoring sản khoa 482
35.Nạo hút thai trứng 485
36.Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo 487
37.Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và hai phần phụ 490
38.Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần 493
39.Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung 496
40.Chích áp xe vú 499
41.Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh 501
42.Phá thai nội khoa đến hết 9 tuần vô kinh 502
43.Phá thai nội khoa cho thai 13 - 22 tuần 505
44.Hút thai đến 12 tuần 508
45.Phá thai từ 13 đến 18 tuần bằng phương pháp nong và gắp thai 511
CHƯƠNG 5. CHUYÊN NGÀNH MẮT 514
1. Phẫu thuật điều trị mộng 515
2. Phẫu thuật khâu vết thương da mi 518
3. Phẫu thuật quặm mi tuổi già 520
4. Phẫu thuật cắt bè củng giác mạc 522
5. Soi đáy mắt trực tiếp 524
6. Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc 526
7. Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu 528
8. Khâu kết mạc 530
9. Cắt chỉ khâu kết mạc 532
10.Lấy dị vật kết mạc 533
11.Rạch áp xe mi 535
12.Cắt chỉ khâu da mi đơn giản 537
13.Lấy dị vật giác mạc sâu 538
14.Lấy dị vật hốc mắt 539

15.Đo khúc xạ máy 541
CHƯƠNG 6. CHUYÊN NGÀNH RĂNG HÀM MẶT 547
1. Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm 544
2. Điều trị tủy răng có sử dụng Laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta Percha nguội 546
3. Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta Percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay 549
4. Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta Percha nóng chảy 552
5. Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta-Percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay 555
6. Điều trị tuỷ răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta-Percha nguội ... 558
7. Phục hồi cổ răng bằng glass Ionomer Cement 561
8. Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glass Ionomer Cement 563
9. Quy trình kỹ thuật nạo túi lợi 565
10.Nhổ chân răng vĩnh viễn 567
11.Nhổ răng vĩnh viễn lung lay 569
12.Nhổ chân răng sữa 571
13.Nhổ răng thừa 573
14.Nhổ răng vĩnh viễn 575
15.Phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới mọc lệch 577
16.Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân, chia chân răng 579
17.Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân 581
18.Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên 583
19.Nhổ răng sữa 585
20.Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite 587
21.Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement 591
22.Trám bít hố rãnh bằng Composite quang trùng hợp 593
23.Trám bít hố rãnh bằng Glass Ionomer Cement quang trùng hợp 595
24.Trám bít hố rãnh bằng Glass Ionomer Cement 597
25.Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ 599
26.Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm 601
27.Cắt nang vùng sàn miệng 603
28.Cắt nang xương hàm khó 605

29.Cắt nang xương hàm từ 2-5 cm 607
30.Phẫu thuật gãy gò má cung tiếp bằng nẹp vít 609
31.Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt 611
32.Phẫu thuật tháo nẹp, vis 613
33.Cắt u lưỡi lành tính 615
CHƯƠNG 7. CHUYÊN NGÀNH TAI MŨI HỌNG 617
1. Cầm máu mũi bằng Merocel (2 bên) 618
2. Cầm máu mũi bằng Merocel (1 bên) 620
3. Cầm máu mũi bằng Merocel (2 bên) 622
4. Cắt các u lành vùng cổ 624
5. Cắt u vùng hàm mặt phức tạp 626
6. Quy trình kỹ thuật chích nhọt áp xe nhỏ vùng đầu cổ 634
7. Chích áp xe quanh Amidan (gây mê) 630
8. Chích áp xe quanh Amidan (gây tê) 632
9. Chích rạch màng nhĩ 634
10.Chọc hút dịch vành tai 635
11.Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ 637
12.Làm thuốc tai 639
13.Lấy dị vật hạ họng 641
14.Lấy dị vật họng miệng 643
15.Lấy dị vật mũi (gây mê) 645
16.Lấy dị vật mũi (gây tê) 647
17.Lấy dị vật tai gây mê 649
18.Lấy dị vật tai gây tê 651
19.Lấy nút biểu bì ống tai ngoài 653
20.Nâng xương chính mũi sau chấn thương gây mê 654
21.Nhét bấc mũi sau 656
22.Nhét bấc mũi trước 658
23.Nội soi lấy dị vật mũi (gây mê) 660
24.Nội soi lấy dị vật mũi (gây tê) 662
25.Nội soi lấy dị vật tai gây mê 664
26.Nội soi lấy dị vật tai gây tê 666
27.Nội soi tai - mũi - họng 668

28.Phẫu thuật cắt Amidan gây mê 670
29.Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dái tai..... 673
30.Phẫu thuật nạo V.A nội soi 674
31.Quy trình đặt ống nội khí quản đường miệng có đèn soi thanh quản..... 676
32.Quy trình kỹ thuật cắt chỉ sau phẫu thuật 678
33.Quy trình kỹ thuật thay băng rửa vết thương..... 680
CHƯƠNG 8. CHUYÊN NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN 685
1. Điện châm 686
2. Thủy châm (tiêm thuốc vào huyệt) 688
3. Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông 690
4. Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy 692
5. Cấy chỉ điều trị bệnh viêm quanh khớp vai 694
6. Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp 696
7. Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não 698
8. Cứu 700
9. Giác hơi điều trị các chứng đau 702
10.Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp 703
11.Điện châm điều trị giảm đau do Zona..... 705
12.Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt thần kinh số VII ngoại biên 707
13.Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp..... 709
14.Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai..... 711
15.Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng 713
16.Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn..... 715
17.Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dây thần kinh số V 717
18.Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng hông 719
19.Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não..... 721
20.Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp..... 723
21.Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược 725
22.Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới 727
23.Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên 729
24.Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não..... 731
25.Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng hông 733
26.Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não 735

27.Thủy châm điều trị đau vai gáy 737
28.Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn 739
29.Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp 741
30.Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp 743
31.Thủy châm điều trị bệnh viêm quanh khớp vai 745
32.Thủy châm điều trị đau lưng 747
33.Kéo nắn cột sống thắt lưng 749
34.Kéo nắn cột sống cổ 751
35.Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống 753
36.Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy 755
CHƯƠNG 9. CHUYÊN NGÀNH CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH 757
1. Quy trình chụp X-Quang sọ thẳng/nghiêng 758
2. Quy trình chụp X-Quang mặt thẳng/nghiêng 761
3. Quy trình chụp X-Quang xoang Blondeau 763
4. Quy trình chụp X-Quang nền sọ - Hirtz 765
5. Quy trình chụp X-Quang hàm chếch hai bên 767
6. Quy trình chụp X-Quang xương chính mũi 769
7. Quy trình chụp X-Quang Schuller 771
8. Chụp X-Quang khớp thái dương hàm 773
9. Chụp X-Quang răng toàn cảnh 775
10.Quy trình chụp X-Quang cột sống cổ thẳng/nghiêng 777
11.Quy trình chụp X-Quang cột sống cổ chếch ¾ 779
12.Quy trình chụp X-Quang cột sống ngực thẳng/nghiêng 781
13.Quy trình chụp X-Quang cột sống thắt lưng thẳng/nghiêng 783
14.Quy trình chụp X-Quang cột sống thắt lưng chếch hai bên 785
15.Quy trình chụp X-Quang cột sống thắt lưng l5 – S1 thẳng/nghiêng 787
16.Quy trình chụp X-Quang xương cùng cụt thẳng/nghiêng 789
17.Quy trình chụp X-Quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên 791
18.Quy trình chụp X-Quang khung chậu 793
19.Quy trình chụp X-Quang xương đòn thẳng hoặc chếch 795
20.Quy trình chụp X-Quang khớp vai thẳng 797
21.Quy trình chụp X-Quang khớp vai nghiêng hoặc chếch 799
22.Quy trình chụp X-Quang xương bả vai thẳng/nghiêng 801

23.Quy trình chụp X-Quang xương cánh tay thẳng/nghiêng..... 803
24.Quy trình chụp X-Quang khuỷu tay thẳng/nghiêng 805
25.Quy trình chụp X-Quang xương cẳng tay thẳng/nghiêng..... 807
26.Kỹ thuật chụp X-Quang cổ tay thẳng/nghiêng 809
27.Quy trình chụp X-Quang xương bàn tay thẳng/nghiêng 811
28.Quy trình chụp X-Quang khớp háng thẳng hai bên..... 814
29.Quy trình chụp X-Quang khớp háng nghiêng 816
30.Quy trình chụp X-Quang xương đùi thẳng/nghiêng..... 818
31.Quy trình chụp X-Quang khớp gối thẳng nghiêng hoặc chếch 821
32.Quy trình chụp X-Quang xương bánh chè và mặt khớp đùi bánh chè 823
33.Chụp X-Quang cẳng chân thẳng/nghiêng..... 825
34.Quy trình chụp X-Quang xương khớp cổ chân thẳng/nghiêng..... 827
35.Quy trình chụp X-Quang xương khớp bàn chân..... 829
36.Quy trình chụp X-Quang gót chân..... 831
37.Quy trình chụp X-Quang ngực thẳng, nghiêng, chếch 839
38.Quy trình chụp X-Quang xương ức 836
39.Quy trình chụp X-Quang khớp ức đòn 838
40.Chụp X-Quang bụng (không chuẩn bị) thẳng nghiêng..... 840
41.Chụp bàng quang trên xương mu..... 843
42.Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc đối quang..... 846
43.Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc đối quang 848
44.Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc đối quang..... 850
45.Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D 852
46.Chụp CLVT lồng ngực không tiêm thuốc đối quang I-ỐT 854
47.Chụp CLVT lồng ngực có tiêm thuốc đối quang I-ỐT 856
48.Chụp CLVT phổi độ phân giải cao..... 858
49.Chụp CLVT tầng trên ổ bụng thường quy..... 860
50.Chụp CLVT bụng - tiểu khung thường quy..... 863
51.Chụp CLVT tiểu khung thường quy..... 866
52.Chụp CLVT hệ tiết niệu thường quy 869
53.Chụp CLVT hệ tiết niệu khảo sát mạch thận và dựng đường bài xuất 872
54.Chụp CLVT tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng 874
55.Chụp CLVT gan có dựng hình đường mật 877

56.Chụp CLVT cột sống cổ không tiêm thuốc đối quang 880
57.Chụp CLVT cột sống ngực không tiêm thuốc đối quang I-ỐT 882
58.Chụp CLVT cột sống thắt lưng không tiêm thuốc đối quang I-ỐT 884
59.Chụp CLVT khớp thường quy không tiêm thuốc đối quang 886
60.Chụp CLVT xương chi không tiêm thuốc đối quang I-ỐT 888
61.Quy trình kỹ thuật đo chẩn đoán loãng xương 890
62.Quy trình ghi điện tim thường 892
63.Ghi điện tim cấp cứu tại giường 894
64.Quy trình đo chức năng hô hấp 896
65.Đo độ loãng xương 899
66.Quy trình kỹ thuật siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu 901
67.Quy trình kỹ thuật siêu âm Doppler mạch máu 903
68.Quy trình kỹ thuật siêu âm ổ bụng 905
69.Quy trình kỹ thuật siêu âm tuyến giáp 907
70.Quy trình kỹ thuật siêu âm các tuyến nước bọt 909
71.Quy trình kỹ thuật siêu âm phần mềm vùng cổ mặt 911
72.Quy trình kỹ thuật siêu hạch vùng cổ 913
73.Quy trình kỹ thuật siêu âm đàn hồi mô tuyến giáp 915
74.Quy trình kỹ thuật siêu âm hốc mắt 917
75.Quy trình kỹ thuật siêu âm qua thóp 918
76.Quy trình kỹ thuật siêu u tuyến, hạch vùng cổ 919
77.Quy trình kỹ thuật siêu âm khoang màng phổi 921
78.Quy trình kỹ thuật siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực) 923
79.Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang) 925
80.Quy trình kỹ thuật siêu âm hệ tiết niệu 933
81.Quy trình kỹ thuật siêu âm tử cung phần phụ 929
82.Quy trình kỹ thuật siêu âm ống tiêu hóa 931
83.Quy trình kỹ thuật siêu âm thai 933
84.Quy trình kỹ thuật siêu âm động mạch thận 935
85.Quy trình kỹ thuật siêu âm Doppler thai nhi 937
86.Quy trình kỹ thuật siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng 939
87.Quy trình kỹ thuật siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo 941
88.Quy trình kỹ thuật siêu âm thai 3 tháng đầu 943

89.Quy trình kỹ thuật siêu âm thai trong 3 tháng giữa 945
90.Quy trình kỹ thuật siêu âm thai trong 3 tháng cuối 947
91.Quy trình kỹ thuật siêu âm khớp..... 949
92.Quy trình kỹ thuật siêu âm phần mềm..... 951
93.Siêu âm Doppler thuật động mạch, tĩnh mạch chi trên..... 953
94.Siêu âm Doppler động mạch cảnh Doppler xuyên sọ..... 955
95.Quy trình kỹ thuật siêu âm tim, màng tim qua thành ngực 957
96.Siêu âm Doppler tim, van tim..... 959
97.Quy trình kỹ thuật siêu âm tuyến vú..... 961
98.Siêu âm doppler tuyến vú 963
99.Siêu âm đàn hồi mô tuyến vú..... 965
100. Siêu âm tinh hoàn hai bên..... 967
101. Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên..... 969
102. Siêu âm dương vật..... 971
103. Siêu âm đàn hồi mô gan..... 973
104. Nội soi thực - quản dạ dày, lấy dị vật 975
105. Quy trình thủ thuật nội soi thực quản - dạ dày 978
106. Nội soi đại tràng Sigma..... 982
107. Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết..... 984
108. Nội soi can thiệp làm clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori..... 988
109. Nội soi thực quản - dạ dày – tá tràng không sinh thiết 991
110. Nội soi đại tràng Sigma không sinh thiết..... 994
111. Quy trình kỹ thuật siêu âm tuyến giáp 997
112. Kỹ thuật siêu âm các tuyến nước bọt..... 999
113. Quy trình kỹ thuật siêu âm cơ phần mềm vùng cổ 1001
114. Quy trình kỹ thuật siêu hạch cổ 1003
115. Kỹ thuật siêu âm đàn hồi mô tuyến giáp..... 1005
116. Quy trình kỹ thuật siêu âm hốc mắt..... 1007
117. Quy trình kỹ thuật siêu âm qua thóp..... 1008
118. Quy trình kỹ thuật Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ..... 1009
119. Quy trình kỹ thuật siêu âm khoang màng phổi..... 1011
120. Quy trình kỹ thuật siêu âm thành ngực (Cơ, phần mềm thành ngực).... 1013
121. Quy trình kỹ thuật siêu âm hệ tiết niệu..... 1015

122. Quy trình kỹ thuật siêu âm tử cung phần phụ 1017
123. Quy trình kỹ thuật siêu âm ống tiêu hóa 1019
124. Quy trình kỹ thuật siêu âm thai (Thai, nhau thai, nước ối)..... 1021
125. Quy trình kỹ thuật siêu âm động mạch thận 1023
126. Quy trình kỹ thuật siêu âm doppler thai nhi 1025
127. Quy trình kỹ thuật siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng..... 1027
128. Quy trình kỹ thuật siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo 1029
129. Quy trình kỹ thuật siêu âm thai 3 tháng đầu 1031
130. Quy trình kỹ thuật siêu âm thai trong 3 tháng giữa 1033
131. Quy trình kỹ thuật siêu âm thai trong 3 tháng cuối 1035
132. Quy trình kỹ thuật siêu âm khớp..... 1037
133. Quy trình kỹ thuật siêu âm phần mềm 1039
134. Quy trình kỹ thuật siêu âm động mạch tĩnh mạch chi dưới..... 1041
135. Quy trình siêu âm Doppler xuyên sọ 1043
136. Quy trình kỹ thuật siêu âm tim, màng tim qua thành ngực 1047
137. Quy trình kỹ thuật siêu âm tim, van tim 1049
138. Kỹ thuật siêu âm tuyến vú..... 1051
139. Kỹ thuật siêu âm đàn hồi mô tuyến vú 1053
140. Quy trình kỹ thuật siêu âm tinh hoàn hai bên 1055
141. Quy trình kỹ thuật siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên. 1057
142. Quy trình kỹ thuật siêu âm dương vật..... 1059
143. Quy trình kỹ thuật siêu âm đàn hồi mô gan 1061
144. Nội soi thực quản – dạ dày, lấy dị vật..... 1063
145. Quy trình thủ thuật nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng..... 1066
146. Nội soi đại tràng sigma có sinh thiết..... 1070
147. Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết..... 1072
148. Nội soi can thiệp - làm Clo-test chẩn đoán nhiễm H.Pylori 1075
149. Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết..... 1077
150. Nội soi đại tràng Sigma không sinh thiết..... 1080

CHƯƠNG 1. CHUYÊN NGHÀNH HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

QUY TRÌNH KỸ THUẬT ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH TRUNG TÂM MỘT NÒNG

I. ĐẠI CƯƠNG

Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm là một thủ thuật cơ bản trong hồi sức cấp cứu bằng cách đưa ống thông một nòng qua da vào tĩnh mạch cảnh trong hoặc tĩnh mạch dưới đòn. Tuy nhiên kỹ thuật này phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm của bác sỹ thực hiện thủ thuật và vào các mốc giải phẫu của Người bệnh nhiều khi rất khó thực hiện hoặc không thành công nếu đặt mò. Việc sử dụng đặt catheter dưới hướng dẫn của siêu âm đã làm tăng tỉ lệ thành công, rút ngắn thời gian làm thủ thuật, giảm biến chứng.

Siêu âm là an toàn cho cả phụ nữ có thai và trẻ nhỏ.

II. CHỈ ĐỊNH

Khi có một trong các chỉ định sau:

1. Theo dõi huyết động: Đo và theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm, theo dõi độ bão hòa oxyhemoglobin, theo dõi các thông số của tim (qua catheter động mạch phổi).

2. Dùng các thuốc vận mạch, thuốc hóa trị liệu, truyền các loại dịch có áp lực thẩm thấu cao, nuôi dưỡng Người bệnh.

3. Truyền dịch, máu trong suy tuần hoàn cấp.

4. Là đường cần thiết để đặt thiết bị can thiệp qua tĩnh mạch cảnh trong như đặt máy tạo nhịp tim, đặt phin lọc huyết khối tĩnh mạch, dùng thuốc tiêu sợi huyết.

5. Lọc máu trong ngộ độc.

III. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Có huyết khối tĩnh mạch trung tâm.
- Nhiễm trùng tại vị trí đặt ống thông.
- Thận trọng với những trường hợp mà mốc giải phẫu bị biến dạng do chấn thương hoặc dị dạng từ trước.
- Không có các chống chỉ định tuyệt đối trong các trường hợp rối loạn đông máu hoặc các Người bệnh có giảm tiểu cầu. Khi tiểu cầu < 50.000/mm^3 phải truyền tiểu cầu > hoặc bằng 50.000 mm^3 mới đặt catheter. Nếu tỉ lệ prothrombin < 50% cần truyền plasma tươi đông lạnh nâng tỉ lệ prothrombin > 50% mới đặt catheter.

IV. CHUẨN BỊ

1. Người thực hiện

01 Bác sĩ được đào tạo về thủ thuật này.

01 Bác sỹ phụ cầm đầu dò siêu âm.

01 Điều dưỡng.

Khử khuẩn tay, đeo găng, mũ, áo choàng, khẩu trang vô khuẩn.

Đứng ở đầu hay ở bên trái Người bệnh.

2. Phương tiện

Bộ catheter 1 nòng: 01 chiếc.

Máy siêu âm với đầu dò linear: 7,5-10Hz

Gói dụng cụ tiêu hao.

Gói dụng cụ rửa tay, sát khuẩn.

Bộ dụng cụ bảo hộ cá nhân.

Bộ dụng cụ, thuốc thủ thuật.

Bộ dụng cụ đặt catheter vô khuẩn.

Gói dụng cụ, máy theo dõi.

Người bệnh.

Người bệnh tỉnh, bác sỹ giải thích kỹ về thủ thuật để Người bệnh hiểu tránh sợ hãi và cùng hợp tác. Ký cam kết đồng ý thực hiện thủ thuật.

4. Nơi tiến hành: Tại phòng hồi sức cấp cứu đảm bảo tiêu chuẩn vô khuẩn hoặc phòng thủ thuật.

5. Hồ sơ bệnh án: Ghi theo quy định.

V. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Người bệnh đặt nằm ngửa, đầu thấp 10 độ so với chân, kê gối mỏng dưới vai, đầu nghiêng sang phía đối diện với bên chọc kim.

Để mặt Người bệnh quay sang trái, dùng đầu dò siêu âm chưa vô khuẩn xác định vị trí tĩnh mạch cảnh trong (TMC). Có thể để đầu dò theo mặt cắt ngang (hình 1) hoặc mặt cắt dọc (hình 2). Mặt cắt ngang thường được ưa dùng hơn vì dễ xác định vị trí của tĩnh mạch, đặt ngang so với chiều của kim. Trên mặt cắt ngang sẽ thấy hình tĩnh mạch cảnh trong, động mạch cảnh và tuyến giáp.

Đánh giá tình trạng của tĩnh mạch cảnh trong, đường kính khoảng 7 mm. Không được để hình ảnh tĩnh mạch và động mạch trùng lên nhau. Tránh để đầu nghiêng quá 30 độ vì dễ cắt ngang động mạch cảnh. Không ấn đầu dò quá mạnh sẽ làm xẹp tĩnh mạch. Không được chọc kim khi chưa thấy rõ cả tĩnh mạch, động mạch và tuyến giáp.

Hình 1: Mặt cắt ngang: 1. Tuyến giáp. 2. TMC trong. 3. ĐM cảnh
Hình 2: Mặt cắt dọc

Nếu không xác định được tĩnh mạch cảnh trong, động mạch và tuyến giáp thì đặt Người bệnh ở tư thế đầu thấp chân cao hoặc làm nghiệm pháp Valsava để bộc lộ rõ tĩnh mạch cảnh trong (hình 3).

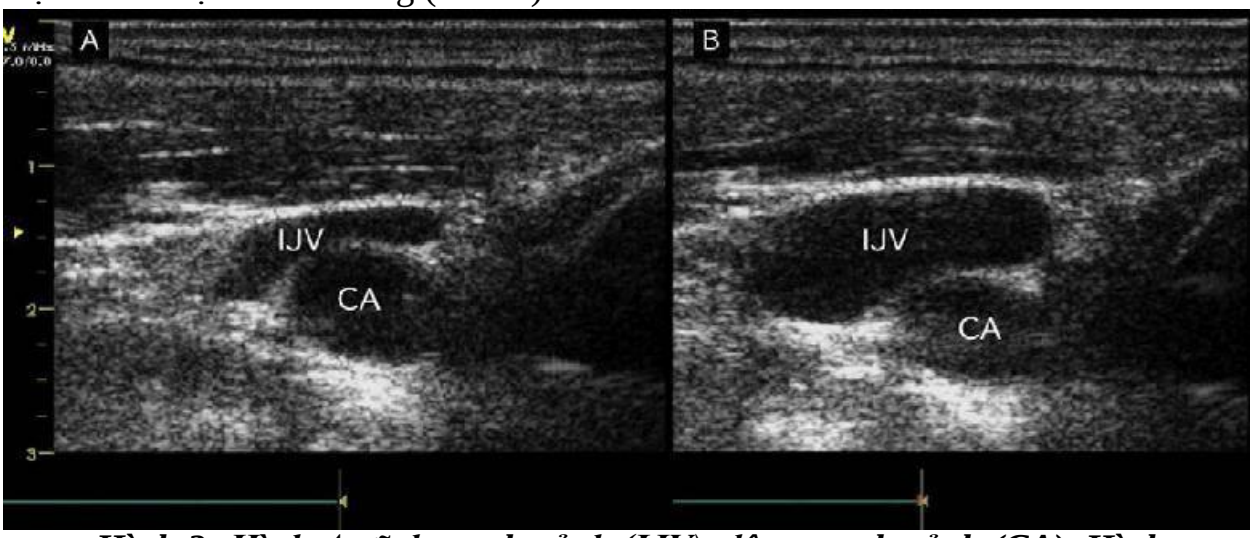

Hình 3: Hình A: tĩnh mạch cảnh (IJV), động mạch cảnh (CA). Hình B: Tăng kích thước tĩnh mạch cảnh trong khi làm nghiệm pháp Valsava.

2. Khử khuẩn rộng vùng cổ bên đặt catheter

- Đặt săng có lỗ lên vị trí chọc catheter.

Chuẩn bị đầu dò vô khuẩn trước hoặc sau khi vô khuẩn Người bệnh. Bôi gen vào đầu dò sau đó dùng túi ni lon vô khuẩn có sẵn trong bộ đặt catheter hoặc dùng găng vô khuẩn bọc ra ngoài đầu dò, không để có không khí ở giữa đầu dò và găng (hình 4).

Hình 4: Chuẩn bị đầu dò vô khuẩn

Chọc kim cách đầu dò siêu âm 1 cm, nên để đầu kim ở giữa đầu dò và chếch với góc 30-45 độ (hình 5). Khi kim xuyên qua da bạn nhìn thấy kim trên siêu âm. Nếu không nhìn thấy kim thì không nên tiếp tục đẩy kim vào sâu, mà điều chỉnh đầu dò hoặc nhẹ nhàng đưa đẩy đầu kim để nhìn thấy kim. Khi nhìn thấy đầu kim tiếp tục đẩy kim theo tín hiệu trên siêu âm, đảm bảo kim đã nằm trong lòng mạch.

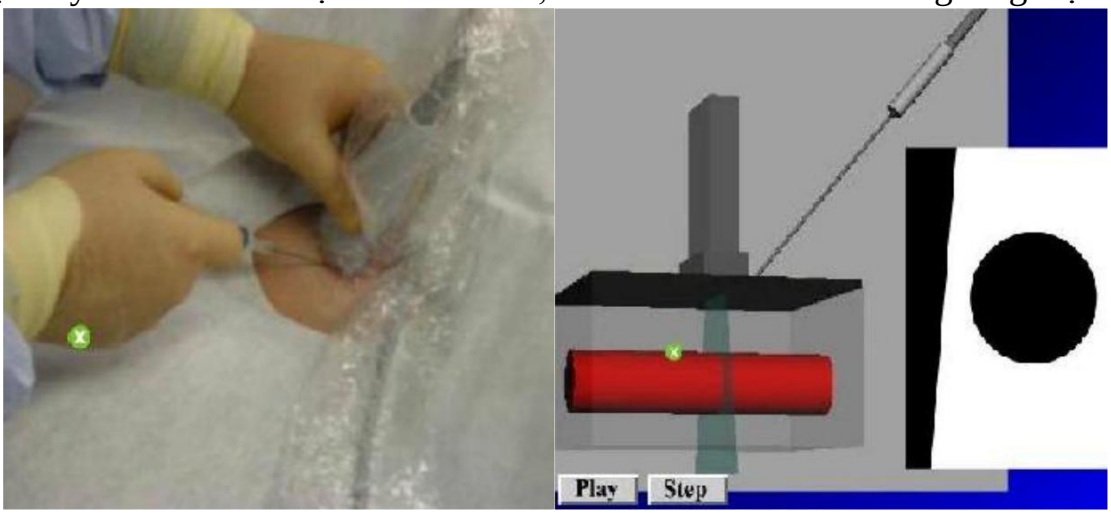

Hình 5: Vị trí chọc kim

Tháo bơm tiêm, luồn dây dẫn inox cho vào kim rồi mới luồn catheter theo dây dẫn (phương pháp Seldinger). Tay phải đưa catheter vào sâu chừng 10- 12 cm tính từ đầu catheter đến đốc kim là được, tay trái rút dây dẫn ra (cần tiến hành đồng thời, tay phải luồn catheter vào khoảng 1-1,5 cm tay trái rút dây dẫn ra cũng tương đương chiều dài đẩy vào của catheter, nếu đầy catheter vào dài >1,5cm dễ gây gập catheter). Chú ý để dây dẫn ra ngoài nòng của cathter từ 3-4 cm (để tránh tuột dây dẫn vào trong). Luồn catheter vào sâu chừng 10- 12 cm tính từ đầu catheter đến đốc kim là được. Nối catheter với một chai dịch đẳng trương, mở khóa cho dịch chảy nhanh cho đến khi hết máu trong catheter. Sau đó hạ chai dịch kiểm tra lại xem thấy máu trào ngược lại catheter là được. Nhấc cao chai để dịch truyền chảy nhanh đẩy hết máu ở dây truyền rồi điều chỉnh dịch chảy theo tốc độ

được chỉ định trong bệnh án. Khâu cố định chân catheter bằng 3 mũi chỉ qua da theo hình túi. Băng kín chân catheter bằng opside vô khuẩn.

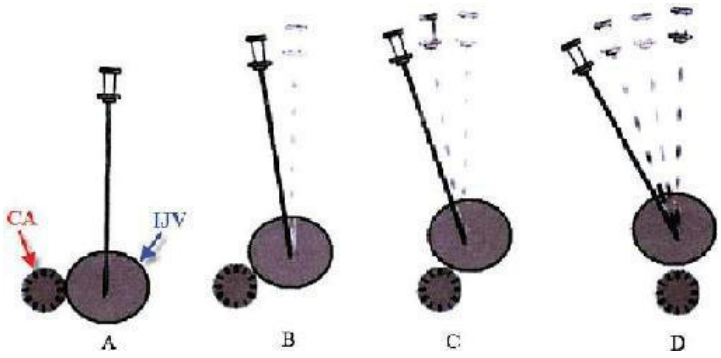

Hình 6: Dưới hướng dẫn của siêu âm kim catheter chọc đúng vào tĩnh mạch ở các vị trí khác nhau [1].

CA: Là động mạch cảnh trong. IJV: Là tĩnh mạch cảnh trong.

VI. THEO DÕI.

Thay băng sau 24 giờ sau đặt catheter hoặc khi thấy băng thấm máu, dịch, hoặc băng opside bị bong ra.

Theo dõi tình trạng chảy máu chỗ chọc, tràn khí màng phổi, nhiễm trùng tại chân catheter.

VII. XỬ TRÍ TAI BIẾN

Nhiễm trùng chân catheter, nhiễm khuẩn huyết, rút catheter và cấy đầu catheter.

Tràn khí, tràn dịch, tràn máu màng phổi: Rút catheter, chọc hút dẫn lưu màng phổi nếu không đáp ứng phải mở màng phổi.

VIII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Quyết định 1904/QĐ-BYT ngày 30/05/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu "Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức - Cấp cứu và Chống độc".

QUY TRÌNH KỸ THUẬT ĐẶT CATHETER TĨNH MẠCH TRUNG TÂM BẰNG CATHETER NHIỀU NÒNG

I. ĐỊNH NGHĨA

Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm là thủ thuật cơ bản trong hồi sức cấp cứu bằng cách đưa ống thông có nhiều nòng (2 hoặc 3 nòng) qua da vào tĩnh mạch cảnh trong hoặc tĩnh mạch dưới đòn. Tuy nhiên kỹ thuật này phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm của bác sỹ thực hiện thủ thuật và vào các mốc giải phẫu của người bệnh nên thủ thuật này nhiều khi rất khó thực hiện hoặc không thành công nếu đặt mò. Tại châu Âu trong nhiều thập kỹ qua tăng sử dụng đặt catheter nhiều nòng dưới hướng dẫn của siêu âm đã làm tăng tỉ lệ thành công, rút ngắn thời gian làm thủ thuật và giảm tai biến.

II. CHỈ ĐỊNH

Khi có ≥ 2 chỉ định sau:

1. Dùng các thuốc vận mạch trong điều trị sốc.

2. Truyền dịch, máu trong suy tuần hoàn cấp, truyền các loại dịch có áp lực thấm thấu cao.

3. Đo và theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm.

4. Nuôi dưỡng người bệnh.

5. Kích thích tim bằng một catheter điện cực khi có nhịp chậm.

6. Lọc máu.

III. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Có huyết khối tĩnh mạch trung tâm.

Nhiễm trùng tại vị trí cần đặt ống thông.

Thận trọng với những trường hợp mà mốc giải phẫu bị biến dạng do chấn thương hoặc dị dạng từ trước.

Không có chống chỉ định tuyệt đối, trong các trường hợp rối loạn đông máu hoặc Người bệnh có giảm tiểu cầu. Người bệnh được truyền huyết tương tươi đông lạnh và/hoặc tiểu cầu để bảo tỉ lệ prothrombin ≥ 50% và tiểu cầu ≥ 50 T/L trước khi làm thủ thuật.

Siêm âm dùng an toàn cho cả phụ nữ có thai và trẻ nhỏ.

IV. CHUẨN BỊ

1. Người thực hiện

01 Bác sĩ được đào tạo về thủ thuật này.

01 Bác sỹ phụ cầm đầu dò siêu âm.

01 Điều dưỡng.

Khử khuẩn tay, đeo găng, mũ, áo choàng, khẩu trang vô khuẩn.

Đứng ở đầu hay ở bên trái người bệnh.

2. Phương tiện

Bộ catheter 2 hoặc 3 nòng: 01 chiếc

Máy siêu âm với đầu dò linear: 7,5-10Hz

Gói dụng cụ tiêu hao.

Gói dụng cụ rửa tay, sát khuẩn.

Bộ dụng cụ bảo hộ cá nhân.

Bộ dụng cụ, thuốc thủ thuật.

Bộ dụng cụ đặt catheter vô khuẩn.

Gói dụng cụ, máy theo dõi.

3. Người bệnh

Nếu Người bệnh tỉnh: Giải thích để Người bệnh hiểu tránh sợ hãi và cùng hợp tác. Nếu Người bệnh hôn mê giải thích cho gia đình Người bệnhvề lợi ích và nguy cơ của thủ thuật. Ký cam kết đồng ý thực hiện thủ thuật.

4. Nơi tiến hành: Tại phòng hồi sức cấp cứu đảm bảo tiêu chuẩn vô khuẩn hoặc phòng thủ thuật.

5. Hồ sơ bệnh án: Ghi chỉ định đặt catheter 2 hoặc 3 nòng, tình trạng Người bệnh trước và sau thủ thuật, cách thức tiến hành thủ thuật, theo dõi trong và sau thủ thuật về tai biến, biến chứng.

V. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Người bệnh đặt nằm ngửa, đầu thấp 100 so với chân, kê gối mỏng dưới vai, đầu nghiêng sang phía đối diện với bên chọc kim.

Để mặt Người bệnh quay sang trái, dùng đầu dò siêu âm chưa vô khuẩn xác định vị trí tĩnh mạch cảnh trong (TMC). Có thể để đầu dò theo mặt cắt ngang (hình 1) hoặc mặt cắt dọc (hình 2). Mặt cắt ngang được dùng nhiều hơn vì dễ xác định vị trí của tĩnh mạch (đặt ngang so với chiều của kim). Trên mặt cắt ngang sẽ thấy hình tĩnh mạch cảnh trong, động mạch cảnh và tuyến giáp.

Đánh giá tình trạng của tĩnh mạch cảnh trong, đường kính khoảng 7 mm. Không được để hình ảnh tĩnh mạch và động mạch trùng lên nhau. Tránh để đầu nghiêng quá 30 độ vì dễ cắt ngang động mạch cảnh. Không ấn đầu dò quá mạnh sẽ làm xẹp tĩnh mạch. Không được chọc kim khi chưa thấy rõ cả tĩnh mạch, động mạch và tuyến giáp.

Hình 1: Mặt cắt ngang: 1. Tuyến giáp. 2. TMC trong. 3. ĐM cảnh

Hình 2: Mặt cắt dọc

Nếu không xác định được tĩnh mạch cảnh trong, động mạch và tuyến giáp thì đặt Người bệnh ở tư thế đầu thấp chân cao hoặc làm nghiệm pháp Valsava để bộc lộ rõ tĩnh mạch cảnh trong (hình 3).

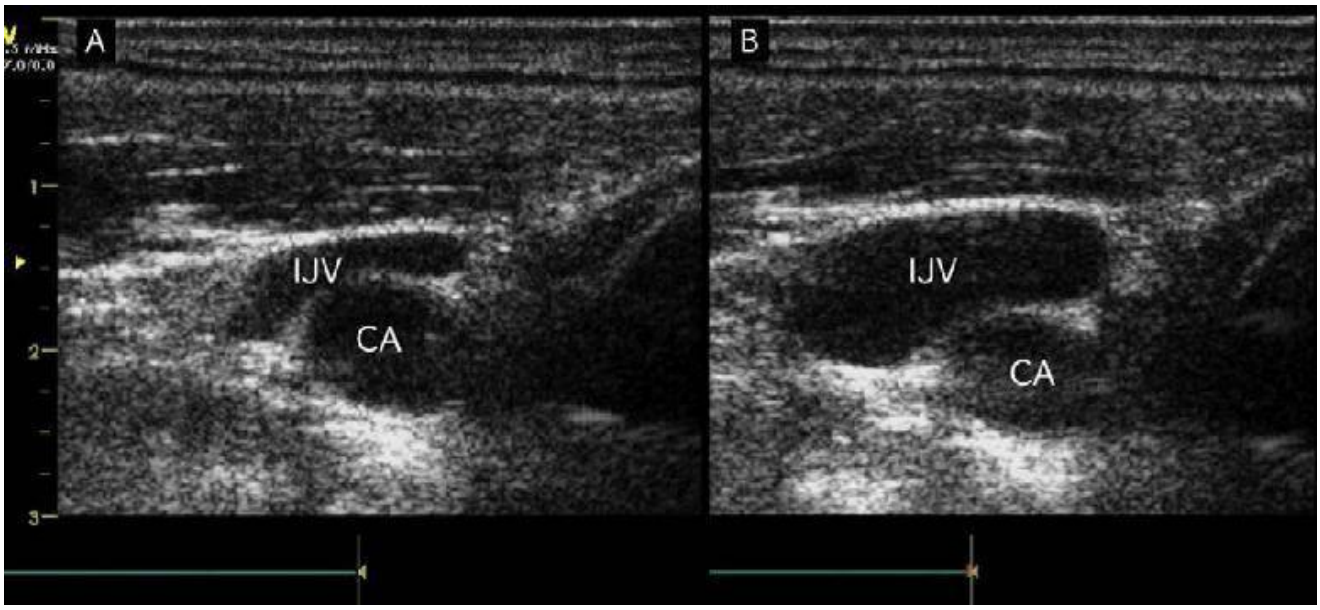

Hình 3: Hình A: tĩnh mạch cảnh (IJV), động mạch cảnh (CA). Hình B: Tăng kích thước tĩnh mạch cảnh trong trong khi làm nghiệm pháp Valsava.

2. Khử khuẩn rộng vùng cổ bên đặt catheter

- Đặt săng có lỗ lên vị trí chọc catheter.

Chuẩn bị đầu dò vô khuẩn trước hoặc sau khi vô khuẩn người bệnh. Bôi gen vào đầu dò sau đó dùng túi ni lon vô khuẩn có sẵn trong bộ đặt catheter hoặc dùng găng vô khuẩn bọc ra ngoài đầu dò, không để có không khí ở giữa đầu dò và găng (hình 4).